

Thông số kỹ thuật

HD 75



Lu hai bánh thép đồng HD

Lu hai bánh thép với hai trống rung

H187

CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- > Tầm quan sát vượt trội cho khu vực quanh thiết bị từ buồng lái
- > Thiết kế khoang vận hành tiện lợi, ghế lái có thể xoay và điều chỉnh được
- > Bảng điều khiển với thông tin hiển thị đơn giản, biểu tượng trực quan dễ hiểu
- > Khớp nối 3 điểm phân bổ trọng lượng đồng đều, giữ cân bằng tốt và tạo cảm giác thoải mái khi vận hành
- > 2 trống lu có khả năng dịch chuyển so le thuận tiện cho việc đầm nén sát lề đường

THÔNG SỐ KỸ THUẬT HD 75 (H187)

Trọng lượng		
Trọng lượng vận hành với cabin	kg	7670
Trọng lượng vận hành với ROPS	kg	7405
Trọng lượng vận hành, tối đa	kg	10110
Tải tĩnh phân bố trên trống, trước/sau	kg/cm	23,1/22,6
Phân loại theo tiêu chuẩn Pháp		17,4/VT0
Kích thước máy		
Chiều dài tổng thể	mm	4340
Chiều cao tổng thể với cabin	mm	2940
Chiều cao vận chuyển, nhỏ nhất	mm	2260
Khoảng cách 2 cầu	mm	3200
Bề rộng tổng thể với cabin	mm	1790
Bề rộng làm việc, lớn nhất	mm	1780
Khoảng sáng gầm, trái/phải	mm	780/780
Bán kính quay vòng, bên trong	mm	4084
Kích thước trống lu		
Bề rộng trống lu, trước/sau	mm	1680/1680
Đường kính trống lu, trước/sau	mm	1140/1140
Bề dày trống lu, trước/sau	mm	17/17
Loại trống lu, trước		Trống trơn/trống liền
Loại trống lu, sau		Trống trơn/trống liền
Bố trí trống so le, trái/phải	mm	100
Động cơ Diesel		
Nhà sản xuất		DEUTZ
Loại		TD 2011 L04 W
Số xi lanh		4
Công suất định mức ISO 14396, kW/PS/rpm		55,4/75,3/2500
Công suất định mức SAE J1349, kW/PS/rpm		55,4/74,2/2500
Tiêu chuẩn khí thải		EU Stage IIIA / EPA Tier 3
Hệ thống dẫn động		
Vận tốc làm việc	km/h	0-6,3
Tốc độ di chuyển	km/h	0-12,6
Khả năng leo dốc, rung on/off	%	30/40
Hệ thống rung		
Tần số rung, trước, I/II	Hz	48/58
Tần số rung, sau, I/II	Hz	48/58
Biên độ rung, trước, I/II	mm	0,61/0,33
Biên độ rung, sau, I/II	mm	0,61/0,33
Lực ly tâm, trước, I/II	kN	77/63
Lực ly tâm, sau, I/II	kN	77/63

*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước

Hệ thống lái		
Góc chênh +/-	°	10
Kiểu lái		Kiểu khớp xoay
Hệ thống phun nước		
Kiểu phun nước		Bằng áp lực
Dung tích thùng nhiên liệu		
Thùng nhiên liệu	L	140
Thùng nước	L	580
Độ ồn		
Độ ồn L(WA), lý thuyết	db(A)	106
Độ ồn L(WA), thực tế	db(A)	104

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

2 cần điều khiển đa chức năng | Bộ chuyển đổi biên độ: Lớn/nhỏ | Tay vịn trái/phải | Hệ thống đèn chiếu sáng | Khoang vận hành với lối vào 2 bên | Đồng hồ công tơ mét | Ghế ngồi thoải mái có thể xoay, với tay vịn và dây an toàn | Hệ thống rung từng bánh độc lập trước/sau, có thể chuyển đổi.

TRANG BỊ TỰY CHỌN

Điều hoà không khí có chế độ sưởi | Mái che ROPS | Thiết bị cắt mép và vát mép | Hệ thống kiểm soát biên độ | Đồng hồ đo nhiệt độ bê tông nhựa (HTM) | Bảng hiển thị trạng thái trống lu so le | Còi báo đi lùi | Đèn pha làm việc | Đèn tín hiệu xoay | Nắp thùng nước, có khóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VĨNH PHÚ

MST: 3600437439 | www.vitrac.vn | www.facebook.com/vitrac.vn

TRỤ SỞ CHÍNH

990 Xa lộ Hà Nội, Khu phố 2, P. Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
T: (0251) 383 1615 | E: vinhphu@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S HÀ NỘI

Lô 1, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, H. Mê Linh, Hà Nội
T: (024) 3556 2277 | E: vinhphuhanoi@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S QUẢNG NINH

Km 10, P. Quang Hanh, Tp. Cẩm Phả, Quảng Ninh
T: 0916 640 680 | E: vinhphuquangninh@vitrac.vn

TRUNG TÂM 2S NGHỆ AN

Km20, Đường Trách Vinh, P.Vinh Tân, Tp. Vinh, Nghệ An
T: 0933 618 010 | E: vinhphunghean@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S ĐÀ NẴNG

Thôn Quang Châu, xã Hoà Châu, H. Hòa Vang, Đà Nẵng
T: (023) 6364 4794 | E: vinhphudanang@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S CẦN THƠ

Lô 29, Lê Hồng Phong, KCN Trà Nóc 1, Bình Thủy, Cần Thơ
T: 0919 725 357 | E: vinhphucantho@vitrac.vn

